**Nhóm: 23**

**Mã đề tài: LTPT06**

Kính gửi cô: Nguyễn Thị Hoàng Khánh

Nhóm em gồm 3 thành viên là:

1/ Nguyễn Thành Nhân, MSSV: 20015161

2/ Lê Văn Ngọc, MSSV: 20022421

3/ Đỗ Thùy Trang, MSSV: 20031951

# Tổng quan về phần mềm:

Công ty A muốn tạo ra một phần mềm để phân chia công việc cho tất cả nhân viên. Để đăng nhập vào hệ thống nhân viên cần có tài khoản. Ứng dụng giúp nhân viên có thể theo dõi tiến độ công việc của mình như: xem thông tin, các công việc được giao, thời gian deadline thực hiện công việc, xác nhận nội dung đã hoàn thành. Nhân viên có thể ghi chú các công việc đang thực hiện để biết tiến độ đã hoàn thành.Nhân viên có thể cập nhật thông tin của minh. Để có tài khoản đăng nhập nhân viên cần liên hệ với quản lý.

Quản lý có thể quản lý các dự án như là đăng dự án, xóa, sửa, phân công cho các nhân viên tham gia và cập nhật lại trạng thái đã hoàn thành hay chưa. Quản lý có thể tạo tài khoản cho nhân viên mới cũng như cập nhật lại thông tin cho nhân viên.

# Các yêu cầu chức năng:

1. Nhân viên:

* Đăng nhập vào hệ thống
* Xem thông tin của minh
* Đổi mật khẩu
* Xem các công việc được giao, tiến độ, thời gian, deadline thực hiện công việc,
* Check vào nội dung đã hoàn thành.
* Có thể ghi chú trên công việc đang thực hiện.
* Có thể cập nhật thông tin tài khoản
* đăng ký tài khoản nếu là nhân viên mới và có sự kiểm duyệt của người quản lý.

1. Quản lý:

* Đăng dự án
* Xóa dự án
* Sửa dự án
* Phân công công việc cho nhân viên
* Cập nhật trạng thái dự án
* Thêm nhân viên
* Xóa thông tin nhân viên

# Các yêu cầu phi chức năng

* Hỗ trợ nhiều người làm việc đồng thời
* Các chức năng đáp ứng đúng các yêu cầu người dùng
* Thông tin chính xác, rõ rang, đáng tin cậy
* Có sẵn phục vụ yêu cầu người dùng
* Giao diện tương thích Window 7 trở lên
* Giao diện đẹp, dễ sử dụng
* Hệ thộng phải hoạt động liên tục 24/ngày, 7 ngày /tuần với thời gian ngừng hoạt động không quá 10%.
* Thông tin chính xác và đúng đắn, bảo mật cao, tin cậy, ổn định.
* Hệ thống phải truy xuất đến CSDL không quá 10s
* Có khả năng hoàng tất 80% giao dịch trong vòng 2 phút.

# Các ràng buộc:

* Nhân viên phải hoàn thành công việc trước deadline
* Các dự án phải công khai
* Mỗi nhân viên chỉ được sở hữu một tài khoản

# Quy trình nghiệp vụ:

* Đăng nhập: nhân viên đăng nhập vào hệ thống để xem công việc
* Xem công việc: nhân viên xem công việc được giao, thông qua ứng dụng bao gồm: tiến độ, thời gian, deadline hoàn thành công việc.
* Ghi chú công việc: nhân viên có thể ghi chú công việc của minh
* Cập nhật thông tin tài khoản: nhân viên có thể thay đổi thông tin cá nhân
* Đăng dự án: quản lý đăng dự án mới lên ứng dụng
* Xóa dự án: quản lý có thể xóa các dự án đã hoàn thành hoặc bị hủy
* Phân công công việc cho nhân viên: quản lý có thể phân công công việc cho từng nhân viên
* Cập nhật trạng thái dự án: quản lý có thể cập nhật trạng thái dự án khi đã hoàn thành
* Thêm thông tin nhân viên: quản lý có thể thông tin nhân viên mới
* Xóa thông tin nhân viên: quản lý xóa thông tin nhân viên khi nhân viên đó nghỉ

Sơ đồ use case

Diagram

Description automatically generated

Giao diện

A picture containing graphical user interface

Description automatically generatedGraphical user interface, table

Description automatically generatedTable

Description automatically generatedTable

Description automatically generatedTable

Description automatically generatedDiagram, text

Description automatically generated with medium confidence

Đặc tả :

\* **Thêm dự án**

|  |  |
| --- | --- |
| * Tên use case: Thêm dự án | |
| * Mô tả sơ lược: chức năng đăng dự án giúp cho người quản lí có thể thêm 1 dự án mới cho các nhân viên | |
| * Actor chính: Người quản lí | |
| * Actor phụ: Không | |
| * Tiền điều kiện (Pre-condition): có được thông tin của dự án đó | |
| * Hậu điều kiện (Post-condition): Dư án được thêm thành công vào CSDL | |
| * Luồng sự kiện chính (main flow): | |
| Người quản lí | Hệ thống |
| 1. Người quản lí chọn chức năng quản lí dự án | 1. Hệ thống hiển thị giao diện quản lí dự án |
| 1. Người quản lí chọn chức năng thêm dự án | 1. Hệ thống hiển thị mẫu thông tin để nhập vào |
| 1. Người quản lí nhập thông tin chi tiết của dự án cần thêm vào | 1. Hệ thống kiểm tra dữ liệu nhập vào. |
| 7. Người quản lí bấm vào nút thêm trên mẫu thông tin đó | 8. Hệ thống hiển thị thông báo thêm thông tin thành công. |
|  |  |
| * Luồng sự kiện thay thế (alternate flow): | |
|  | 6.1. Hệ thống hiển thị thông báo chưa nhập thông tin hoặc thông tin nhập sai. |
| 6.2. Người quản lí xác nhận. | 6.3. Hệ thống quay lại bước 4. |

Diagram

Description automatically generated

Diagram

Description automatically generated

**\*Xóa dự án**

|  |  |
| --- | --- |
| * Tên use case: Xóa dự án | |
| * Mô tả sơ lược: chức năng xóa dự án giúp cho người quản lí có thể xóa 1 dự án khỏi cơ sở dử liệu | |
| * Actor chính: Người quản lí | |
| * Actor phụ: Không | |
| * Tiền điều kiện (Pre-condition): dự án cần xóa phải có trong hệ thống | |
| * Hậu điều kiện (Post-condition): dự án cần xóa bị xóa khỏi CSDL | |
| * Luồng sự kiện chính (main flow): | |
| Actor | System |
| 1. Người quản lí chọn mở giao diện quản lý dự án | 1. Hệ thống hiển thị giao diện quản lí dự án |
| 1. Người quản lí chọn dự án cần xóa và bấm nút xóa | 1. Hệ thống hiện thị thông báo xác nhận |
| 1. Người quán lí xác nhận xóa | 1. Hệ thống thông báo xóa thành công   Và cập nhật thông tin vào csdl |

Diagram

Description automatically generated

Diagram

Description automatically generated

**\*Cập nhật dự án**

|  |  |
| --- | --- |
| * Tên use case: Cập nhật dự án | |
| * Mô tả sơ lược: chức năng cập nhật dự án giúp cho người quản lí có thể chỉnh sửa thông tin | |
| * Actor chính: Người quản lí | |
| * Actor phụ: Không | |
| * Tiền điều kiện (Pre-condition): dự án cần cập nhật phải có trong hệ thống | |
| * Hậu điều kiện (Post-condition): dự án được cập nhật thành công vào CSDL | |
| * Luồng sự kiện chính (main flow): | |
| Người quản lí | Hệ thống |
| 1. Người quản lí chọn giao diện quản lí dự án | 1. .Hệ thống hiển thị giao diện quản lí dự án |
| 1. Người quản lí chọn dự án cần chỉnh sửa và bấm vào nút cập nhật | 1. Hệ thống hiển thị thông tin của dự án được chọn lên các khung cập nhật |
| 1. Người quản lí sửa lại thông tin cần sửa trên các khung cập nhật |  |
| 1. Người quản lí bấm nút cập nhật | 1. Hệ thống kiểm tra dữ liệu nhập vào. |
|  | 1. Hệ thống hiển thị thông báo cập nhật thông tin thành công. |
| * Luồng sự kiện thay thế (alternate flow): | |
|  | 7.1. Hệ thống hiển thị thông báo thông tin nhập sai. |
| 7.2 Người quán lí xác nhận | 7.3 Hệ thống quay lại bước 4 |

Diagram

Description automatically generated

Diagram

Description automatically generated with low confidence

**\* Phân công dự án**

|  |  |
| --- | --- |
| * Tên use case: Phân công dự án | |
| * Mô tả sơ lược: chức năng phân công dự án giúp cho người quản lí dễ dàng phân chia công việc cho các nhân viên | |
| * Actor chính: Người quản lí | |
| * Actor phụ: Không | |
| * Tiền điều kiện (Pre-condition): Dự án đó phải có các công việc | |
| * Hậu điều kiện (Post-condition): Công việc được phân chia cho các nhân viên | |
| * Luồng sự kiện chính (main flow): | |
| Người quản lí | Hệ thống |
| 1. Người quản lí chọn chức năng quản lí dự án | 1. Hệ thống hiển thị giao diện quản lí dự án |
| 1. Người quản lí bấm vào dự án đó | 1. Hệ thống hiển thị danh sách các công việc cần thực hiện trong dự án đó |
| 1. Người quản lí chọn công việc cần phân công | 1. Hệ thống mẫu tin chi tiết công việc đó |
| 7.Người quản lí nhập thông tin nhân viên làm công việc đó và bấm vào nút xác nhận | 8.Hệ thống hiển thị thông báo phân công thành công và cập nhật vào CSDL |

Diagram

Description automatically generated

Timeline

Description automatically generated

**\* Xem thông tin cá nhân**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use case: Xem thông tin cá nhân | |
| * Mô tả sơ lược: chức năng xem thông tin cá nhân giúp nhân viên và quản lí có thể xem được thông tin cá nhân của mình | |
| * Actor chính: Nhân viên,Người quản lí | |
| * Actor phụ: Không | |
| * Tiền điều kiện (Pre-condition): có được thông tin của nhân viên,quản lí đó | |
| * Hậu điều kiện (Post-condition): Nhân viên,quản lí xem được thông tin cá nhân của mình | |
| * Luồng sự kiện chính (main flow): | |
| Nhân viên,Người quản lí | Hệ thống |
| 1. Nhân viên,Người quản lí vào giao diện chính chọn chức năng xem thông tin | 1. Hệ thống hiển thị giao diện xem thông tin cá nhân của nhân viên,quản lí đó |
| 1. Nhân viên,người quản lí xem thông tin cá nhân của mình |  |
| 1. Kết thúc đặc tả |  |

Diagram

Description automatically generated

Calendar

Description automatically generated with low confidence

**\* Cập nhật thông tin cá nhân**

|  |  |
| --- | --- |
| * Tên use case: Cập nhật thông tin cá nhân | |
| * Mô tả sơ lược: chức năng cập nhật thông tin giúp cho nhân viên,quản lí có thể dễ dàng xem thông tin cá nhân của mình | |
| * Actor chính: Người quản lí,Nhân viên | |
| * Actor phụ: Không | |
| * Tiền điều kiện (Pre-condition): thông tin phải có trong hệ thống | |
| * Hậu điều kiện (Post-condition): thông tin được cập nhật thành công và lưu lại trong CSDL | |
| * Luồng sự kiện chính (main flow): | |
| Nhân viên,Người quản lí | Hệ thống |
| 1. Nhân viên ,Người lí chọn chức năng xem thông tin | 1. Hệ thống hiển thị giao diện xem thông tin cá nhân của nhân viên,quản lí đó |
| 1. Nhân viên người quản lí nhập lại các thông tin cá nhân của mình và bấm nút cập nhật | 1. Hệ thống kiểm tra thông tin cập nhật |
|  | 1. Hệ thống thông báo cập nhật thành công và lưu lại trong cơ sở dữ liệu |
| 1. Kết thúc đặt tả |  |
| * Luồng sự kiện thay thế (alternate flow): | |
|  | 4.1 Hệ thống thông báo cập nhật thất bại |
| 4.2 Nhân viên,Người quản lí xác nhận | 4.3.Hệ thống quay lại bước 2 |

Diagram

Description automatically generated

A picture containing chart

Description automatically generated

**\* Đổi mật khẩu**

|  |  |
| --- | --- |
| * Tên use case: Đổi mật khẩu | |
| * Mô tả sơ lược: chức năng đổi mật khẩu giúp cho nhân viên,người quản lí dễ dàng đổi lại mật khẩu | |
| * Actor chính: Người quản lí,nhân viên | |
| * Actor phụ: Không | |
| * Tiền điều kiện (Pre-condition): Nhân viên ,người quản lí đó phải có tài khoản cá nhân | |
| * Hậu điều kiện (Post-condition): mật khẩu được đổi lại thành công | |
| * Luồng sự kiện chính (main flow): | |
| Người quản lí,nhân viên | Hệ thống |
| 1. Người quản lí ,nhân viên chọn chức năng xem thông tin | 1. Hệ thống hiển thị giao diện xem thông tin cá nhân của nhân viên,quản lí đó |
| 1. Người quản lí ,nhân viên bấm vào nút đổi mật khẩu | 1. Hệ thống hiển thị mẫu thông tin đổi mật khẩu |
| 1. Người quản lí,nhân viên nhập các thông tin theo yêu cầu của mẫu thông tin đó và bấm nút xác nhận | 1. Hệ thống kiểm tra thông tin |
|  | 7.Hệ thống hiển thị thông báo cập nhật thành công và cập nhật lại vào CSDL |
|  | 8.Kết thúc đặc tả |
| * Luồng sự kiện thay thế (alternate flow): | |
|  | 6.1. Hệ thống hiển thị thông báo chưa nhập thông tin hoặc thông tin nhập sai. |

|  |  |
| --- | --- |
| 6.2. Người quản lí,nhân viên xác nhận. | 6.3. Hệ thống quay lại bước 4. |

Diagram

Description automatically generated

Diagram, timeline

Description automatically generated with medium confidence

# **\*Đăng nhập**

|  |
| --- |
| Tên đặc tả: Đăng nhập |
| Mô tả: Cho phép nhân viên tiếp tân, quản lý thống kê, quản trị hệ thống đăng nhập vào hệ thống |
| Tiền điều kiện: nhân viên tiếp tân, quản lý thống kê, quản trị hệ thống có tài khoản, mật khẩu và chưa đăng nhập vào hệ thống |
| Hậu điều kiện: Chuyển đến giao diện chính khi đăng nhập thành công |
| Tác nhân chính: Nhân viên tiếp tân, quản lý thông kê, quản trị hệ thống |
| Tác nhân phụ: |
| Luồng sự kiện chính:   |  |  | | --- | --- | | Nhân viên | Hệ thống | | 1. Nhân viên nhập tài khoản và mật khẩu |  | | 2. Nhân viên nhấn nút đăng nhập | 3. Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập | |  | 4. Hệ thống thông báo đăng nhập thành công | |  | 5. Hệ thống chuyển đến giao diện chính | | 6. Nhân viên kết thúc đăng nhập |  | |
| Luồng sự kiện phụ:   |  |  | | --- | --- | | 2.1. Nhân viên không muốn tiếp tục đăng nhập |  | | 2.2. Nhân viên thoát khỏi giao diện đăng nhập |  | |  | 3.1 .Hệ thống thông báo đăng nhập thất bại | |  | 3.2. Hệ thống chuyển người dùng về lại giao diện đăng nhập | | 3.3 Quay lại bước 1 hoặc nhân viên kết thúc đăng nhập |  | |

Diagram

Description automatically generated

Diagram

Description automatically generated with low confidence

# **\* Đăng xuất**

|  |
| --- |
| Tên đặc tả: Đăng xuất |
| Mô tả: đăng xuất tài khoản ra khỏi chương trình |
| Tác nhân chính: Nhân viên tiếp tân, quản lý thông kê, quản trị hệ thống |
| Tác nhân phụ: |
| Tiền điều kiện: Tài khoản phải được đăng nhập |
| Hậu điều kiện: Chuyển về giao diện đăng nhập |
| Luồng sự kiện chính:   |  |  | | --- | --- | | Nhân viên tiếp tân | Hệ thống | | 1. Nhân viên tiếp tân chọn chức năng đăng xuất | 2. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận | | 3. Nhân viên xác nhận | 4. Hệ thống thông báo đăng xuất thành công | |  | 5. Hệ thống chuyển về giao diện đăng nhập | |  | 6. Kết thúc đặt tả | |
| Luồng sự kiện phụ:   |  |  | | --- | --- | | 3.1 Nhân viên tiếp tân không muốn đăng xuất |  | | 3.2 Nhân viên tiếp tân không xác nhận |  | |
|  |

Diagram

Description automatically generated

Diagram

Description automatically generated

# **\* Thêm thông tin nhân viên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên đặc tả: Thêm thông tin nhân viên** | | |
| Mục đích: | Thêm được thông tin nhân viên và cập nhật vào cơ sở dữ liệu | |
| Mô tả: | Người quản lý cập nhật thêm thông tin nhân viên vào CSDL | |
| Tác nhân: | Người quản lý | |
| Điều kiện trước: | Người quản lý đã nhận được thông tin mà nhân viên cung cấp | |
| Điều kiện sau: | hệ thống báo thành công và lưu vào hệ CSDL | |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) | | |
| Người quản lý | | Hệ thống |
| 1. Người quản lý chọn chức năng quản lí | |  |
| 2. Người quản lý chọn chức năng quản lí nhân viên | | 3.hệ thống hiện thị giao diện của quản lí nhân viên |
| 4. Người quản lý chọn chức năng thêm thông tin nhân viên | | 5.hệ thống hiển thị mẫu thông tin nhân viên |
| 6. Người quản lý điền vào mẫu thông tin nhân viên và bấm vào nút thêm | | 7.Hệ thống kiểm tra thông tin nhân viên |
|  | | 8. Hệ thống báo thêm thành công và lưu thông tin khách hàng vào CSDL,kết thúc đặc tả |
| Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows): | | |
| Người quản lý | | Hệ thống |
|  | | 7.1.Hệ thống thông báo không thành công |
| 7.2. Người quản lý xác nhận | | 7.3.Hệ thống quay lại bước 6 |

Diagram

Description automatically generated

Diagram

Description automatically generated

# **\* Xóa nhân viên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên đặc tả: Xóa thông tin nhân viên** | | |
| Mục đích: | Xóa được thông tin nhân viên và cập nhật vào cơ sở dữ liệu | |
| Mô tả: | Người quản lý xóa được thông tin nhân viên và cập nhật vào CSDL | |
| Tác nhân: | Người quản lý | |
| Điều kiện trước: | Người quản lý đã có thông tin mà nhân viên cung cấp | |
| Điều kiện sau: | hệ thống báo thành công và lưu vào hệ CSDL | |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) | | |
| Người quản lý | | Hệ thống |
| 1. Người quản lý chọn chức năng quản lý | | 2.hệ thống hiển thị các chức năng quản lý |
| 3. Người quản lý chọn chức năng quản lý nhân viên | | 4.hệ thống hiện thị giao diện của quản lí nhân viên |
| 5. Người quản lý nhấn chọn nhân viên cần xóa và bấm vào nút xóa | | 6.Hệ thống hiện thị thông báo xác nhận |
| 7. Người quản lý chọn nút OK | | 8.Hệ thống báo xóa thành công và lưu thông tin nhân viên vào CSDL,kết thúc đặc tả |
| Luồng sự kiện phụ (Alternative Flows): | | |
| Người quản lý | | Hệ thống |
| 7.1. Người quản lý chọn nút cancel | | 7.1.Hệ thống quay lại bước 4 |

Diagram

Description automatically generated

Diagram

Description automatically generated

# **\* Sửa thông tin nhân viên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên đặc tả: Sửa thông tin nhân viên** | | |
| Mục đích: | Sửa được thông tin nhân viên và cập nhật vào cơ sở dữ liệu | |
| Mô tả: | Nhân viên tham gia dự án sửa lại và cập nhật lại thông tin nhân viên vào CSDL | |
| Tác nhân: | Nhân viên tham gia dự án | |
| Điều kiện trước: | Nhân viên tham gia dự án đã nhận được thông tin cần sửa mà nhân viên cung cấp | |
| Điều kiện sau: | hệ thống báo cập nhật thành công và lưu vào hệ CSDL | |
| Luồng sự kiện chính (Basic flows) | | |
| Nhân viên tham gia dự án | | Hệ thống |
| 1. Nhân viên tham gia dự án chọn chức năng quản lí | | 2.hệ thống hiển thị các chức năng quản lí |
| 3. Nhân viên tham gia dự án chọn chức năng quản lí nhân viên | | 4.hệ thống hiện thị giao diện của quản lí nhân viên |
| 5. Nhân viên tham gia dự án nhấn chọn nhân viên cần sửa thông tin | | 6.hệ thống hiển thị mẫu thông tin nhân viên cần sửa |
| 7. Nhân viên tham gia dự án tiến hành sửa thông tin nhân viên và bấm nút sửa | | 8.Hệ thống báo sửa thành công và cập nhật lại thông tin nhân viên vào CSDL,kết thúc đặc tả |

Diagram

Description automatically generatedDiagram

Description automatically generated

**\* Xem công việc**

|  |
| --- |
| Tên đặt tả: Xem công việc |
| Mô tả: nhân viên sau khi đăng nhập vào hệ thống tiến hành xem thông tin, lịch trình của các công việc của bản thân |
| Tác nhân: nhân viên |
| Điều kiện trước: nhân viên đã được quản lý giao công việc trên hệ thống |
| Điều kiện sau:Danh sách các công việc hiện ra trên hệ thống |
| Luồng sự kiện chính :   |  |  | | --- | --- | | **Nhân viên** | **Hệ thống** | | 1. Nhân viên chọn xem công việc | 1. Hệ thống hiển thị danh sách các công việc và lịch trình cơ bản của các công việc | | 1. Nhân viên chọn một công việc |  | | 1. Nhân viên chọn xem thông tin | 1. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết và lịch trình cụ thể của công việc | | 1. Nhân viên xác nhân và kết thúc |  | |

Diagram

Description automatically generated

Diagram

Description automatically generated

**Đánh dấu các công việc đã hoàn thành**

|  |
| --- |
| Tên đặt tả: Đánh dấu công việc đã hoàn thành |
| Mô tả: nhân viên sau khi xem các công việc được giao bởi quản lý, tiến hành chọn một công việt đã hoàn thành và đánh dấu |
| Tác nhân: nhân viên |
| Điều kiện trước: Công việc có trên hệ thống và nhân viên đã hoàn thành công việc |
| Điều kiện sau: Công việt được đánh dấu đã hoàn thành |
| Luồng sự kiện chính :   |  |  | | --- | --- | | **Nhân viên** | **Hệ thống** | | 1. Nhân viên chọn xem công việc | 1. Hệ thống hiển thị danh sách các công việc và lịch trình cơ bản của các công việc | | 1. Nhân viên chọn công việc chưa hoàn thành |  | | 1. Nhân viên nhấp chuột vào nút đã hoàn thành | 1. Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu nhân viên xác nhận lại | | 1. Nhân viên bấm Xác nhận | 1. Hệ thống kiểm tra tình trạng công việc | |  | 1. Hệ thống chuyển tình trạng công việc thành đã hoàn thành | |
| Luồng sự kiện phụ :   |  |  | | --- | --- | | 5.1 Nhân viên bấm Hủy | 5.2 Hệ thống quay lại bước 2 | |  | 7.1 Hệ thống thông báo công việc đã được hoàn thành | | 7.2 Nhân viên xác nhận | 7.3 Hệ thống quay lại bước 2 | |

Diagram

Description automatically generated

Diagram

Description automatically generated

**\* Tạo tài khoản**

|  |
| --- |
| Tên đặt tả: Tạo tài khoản |
| Mô tả: Quản lý tạo thêm tài khoản để nhân viên có thể đăng nhập vào hệ thống hoặc tạo thêm một tài khoản quản lý mới |
| Tác nhân: quản lý |
| Điều kiện trước: tài khoản mới được cấp phải ứng với thông tin của nhân viên có sẵn trên hệ thống |
| Điều kiện sau: tài khoản mới được thêm thành công vào cơ sở dữ liệu |
| Luồng sự kiện chính :   |  |  | | --- | --- | | **Quản lý** | **Hệ thống** | | 1. Quản lý chọn một nhân viên trên bảng |  | | 1. Quản lý chọn nút tạo tài khoản | 1. Hệ thống hiển thị giao diện tạo tài khoản bao gồm tên và số điện thoại của nhân viên | | 1. Quản lý nhập tên tài khoản và mật khẩu và bấm xác nhận | 1. Hệ thống kiểm tra xem tài khoản vừa nhập có trùng với tài khoản có sẵn trên hệ thống | |  | 1. Hệ thống kiểm tra mật khẩu có rỗng | |  | 1. Hệ thống kiểm tra nhập lại mật khẩu có trùng với mật khẩu ban đầu | |  | 1. Hệ thống thông báo thêm tài khoản thành công |   Luồng sự kiện phụ :   |  |  | | --- | --- | |  | 5.1 Hệ thống thông báo đã có tài khoản đã có trên hệ thống | | 5.2 Quản lý xác nhận và quay lại bước 3 |  | |  | 6.1 Hệ thống thông báo mật khẩu rỗng | | 6.2 Quản lý xác nhận và quay lại bước 4 |  | |  | 7.1 Hệ thống thông báo mật khẩu và mật khẩu nhập lại không khớp | | 7.2 Quản lý xác nhận và quay lại bước 4 |  | |



